TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2023/DS-ST
Ngày: 30 / 6 /2023
Về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Công

2. Ông Nguyễn Phát Triển

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Vinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-DS, ngày 10/03/2023, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 414/2023/QĐST-DS, ngày 14/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 (A); Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật của Ngân Hàng N1 là*: Ông Phạm Toàn V - Chức danh: Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện L, theo Quyết định ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 01/12/2022 của Giám đốc Ngân hàng N1.

Ông Nguyễn Văn M ủy quyền cho Ông Thái Ngọc Như B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn*: Võ Văn Bé B1, Sinh năm: 1962; Võ Minh T, Sinh năm: 1987; Nguyễn Thị N, Sinh năm: 1966 (đã chết); Cùng địa chỉ: 56/5, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Võ Văn Bé B1, Sinh năm: 1962 (vắng mặt); Võ Minh T, Sinh năm 1987 (vắng mặt) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N, Sinh năm: 1966; Cùng địa chỉ: 5, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N1 là ông Thái Ngọc Như B trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 6510-LAV-202103389; MSKH: 6510-067534462 ngày 17/6/2021 giữa Ngân hàng N1 cho Võ Văn Bé B1 vay vốn 430.000.000 đồng, mục đích bù đắp chi phí cải tạo, chăm sóc vườn quýt, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi suất vay sẽ thay đổi trong các trường hợp được quy định trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Võ Văn Bé Bảy đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ trả nợ đã ký kết.

Khi vay thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật. Tài sản thế chấp 02 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. Quyền sử dụng đất thửa 1587, tờ bản đồ số 36, diện tích: 3.681 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, số bìa A0 424216, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H.04596, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2009 người đứng tên quyền sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị N, ông Võ Văn Bé B1;

2. Quyền sử dụng đất thửa 616, tờ bản đồ số 36, diện tích: 3.681 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, số bìa A0 147053, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H.00053, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/09/2009 người đứng tên quyền sử dụng đất là hộ ông Võ Văn Bé B1, bà Nguyễn Thị N;

Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi là 500.093.072 đồng (nợ gốc 430.000.000 đồng, nợ lãi 70.093.072) số tiền lãi tính đến hết ngày 22/02/2023. Buộc Ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/02/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày

29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L. Trường hợp ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T và bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng N1 tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021.

Thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/04/2023.

Bà Nguyễn Thị N chết ngày 08/01/2022, hàng thừa kế thứ nhất của bà N là ông Võ Văn Bé B1 (chồng) và Võ Minh T (con). Cha Nguyễn Văn D, chết năm 1960, mẹ Đặng Thị G, chết năm 1978. Ngoài ra hàng thừa kế thứ nhất của bà N không còn ai khác.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ ông Võ Văn Bé B1 trình bày: Võ Văn Bé B1 thừa nhận có vay, nợ Ngân hàng đúng như Ngân hàng khởi kiện, theo yêu cầu của Ngân hàng ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi là 500.093.072 đồng (nợ gốc 430.000.000 đồng, nợ lãi 70.093.072) số tiền lãi tính đến hết ngày 22/02/2023 và tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/02/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Đồng ý công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L. Trường hợp ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T và bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-

201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng N1 tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021.

Võ Văn Bé B1 có ý kiến xin Ngân hàng cho ông B2 B1 tự thỏa thuận bán đất để trả nợ Ngân hàng và ông Võ Văn Bé B1 có đơn xin miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị N chết ngày 08/01/2022, hàng thừa kế thứ nhất của bà N là ông Võ Văn Bé B1 (chồng) và Võ Minh T (con). Cha Nguyễn Văn D, chết năm 1960, mẹ Đặng Thị G, chết năm 1978. Ngoài ra hàng thừa kế thứ nhất của bà N không còn ai khác.

* Bị đơn Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Tòa án xử lý đơn khởi kiện chưa đúng quy định và bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N1 có đơn khởi kiện ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T trả nợ vay, công nhận hợp đồng thế chấp đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đương sự có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi là 500.093.072 đồng (nợ gốc 430.000.000 đồng, nợ lãi 70.093.072) số tiền lãi tính đến hết ngày 22/02/2023 và tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/02/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là Hợp đồng tín dụng số: 6510-LAV-202103389; MSKH: 6510-067534462 ngày 17/6/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L; Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời ông Võ Văn Bé B1 thừa nhận có ký kết hợp đồng và nợ tiền vay đúng như Ngân hàng trình bày và thống nhất trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Bị đơn Võ Minh T biết Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ vay, đồng thời Võ Minh T có ký kết giấy uỷ quyền ngày 23/03/2017 để ông Võ Văn Bé B1 thực hiện các quan hệ giao dịch tại Ngân hàng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Võ Minh T không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như bị đơn Võ Minh T đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Xét qua lời trình bày và yêu cầu của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ để khẳng định ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T vay tiền Ngân hàng N1, vốn vay là 430.000.000 đồng, tiền lãi 70.093.072, tạm tính đến hết ngày 22/02/2023 và tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 23/02/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự:

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, Hợp đồng được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật và ông Võ Văn Bé B1 thừa nhận có ký kết, thống nhất yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng N1 là có sơ sở, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tiền tạm ứng án phí, án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chổ:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T phải chịu phần án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng ông Võ Văn Bé B1 có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí là có căn cứ, phù hợp với Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 13, Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Võ Văn Bé B1, Võ Minh T phải nộp 200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chổ. Do Ngân hàng đã nộp và chi xong nên Võ Văn Bé B1, Võ Minh T phải nộp trả lại cho Ngân hàng N1 200.000 đồng.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 12, Điều 14, Điều 13, Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N1.

2. Buộc ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N1 tiền vốn vay còn nợ là 430.000.000 đồng, tiền lãi 70.093.072, tạm tính đến hết ngày 22/02/2023, tổng cộng 500.093.072 đồng (Năm trăm triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng) và tiếp tục liên đới trả

tiền lãi phát sinh từ ngày 23/02/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 17/6/2021 đến khi trả xong nợ.

3. Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L.

Trường hợp ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T và bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015, số chứng thực 311, quyển số 01/2015 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 29/05/2015 của Ủy ban nhân dân xã L và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021, số chứng thực 356, quyển số 01 SCT/HĐ,GD, ngày 17/06/2021 của Ủy ban nhân dân xã L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng N1 tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn Bé B1 và Võ Minh T tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169 ngày 27/05/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6510-LCL-201501169/01 ngày 17/06/2021.

4. Về tiền tạm ứng án phí, án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Võ Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.151.861 đồng (Mười hai triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Ông Võ Văn Bé B1 được miễn tiền án phí là 12.151.861 đồng (Mười hai triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Ngân hàng N1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N1 tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.302.000 đồng (Mười hai triệu, ba trăm lẽ hai nghìn đồng) theo biên lai số 0015730, ngày 09/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Võ Văn Bé B1, Võ Minh T phải nộp 200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp và chi xong nên Võ Văn Bé B1, Võ Minh T phải nộp trả lại cho Ngân hàng N1 200.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền